Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán
ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

và Báo cáo của Hội đồng Quản trị

ERNST & YOUNG

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Vietcombank

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
CÁC BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân Đối Kế Toán	4 - 5
Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh	6
Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ	7
Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính	8 - 19

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày.

CÔNG TY

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("VCBF" hay ("Công ty") ") là công ty liên doanh được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Các bên trong liên doanh gồm Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam và Viet Capital Holding Pte Ltd., với tỉ lệ góp vốn tương ứng là 51% và 49%. Vào ngày 2 tháng 6 năm 2006, Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam đã chuyển đổi hình thức sở hữu từ ngân hàng thương mại nhà nước thành ngân hàng thương mại cổ phần và Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam được đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý các quỹ đầu tư, quản lý các danh mục đầu tư theo quy định hiện hành.

Công ty được phép hoạt động trong thời gian 30 năm kể từ ngày thành lập (ngày 2 tháng 12 năm 2005).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

Lợi nhuận sau thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 10.990.870 nghìn đồng Việt Nam (năm 2007: 54.528.860 nghìn đồng Việt Nam)

Trong năm, Công ty đã công bố khoản cổ tức trị giá 10.000.000 nghìn đồng Việt Nam (năm 2007: 33.376.320 nghìn đồng Việt Nam).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Quang Dũng	Chủ tịch	(bổ nhiệm từ ngày 5 tháng 11 năm 2007)
Ông Stephen Grundlingh	Phó Chủ tịch	(bổ nhiệm từ ngày 18 tháng 11 năm 2008)
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Thành viên	(bổ nhiệm từ ngày 27 tháng 11 năm 2005)
Ông Phạm Thanh Hà	Thành viên	(bổ nhiệm từ ngày 5 tháng 11 năm 2007)
Ông Dennis Lim	Thành viên	(bổ nhiệm từ ngày 25 tháng 3 năm 2008)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:

Phạm Quang Dũng
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 2 năm 2009

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Vietcombank

01-CTQ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2008

ĐVT: Nghìn VNĐ

Mã số	*Tài sản*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
100	**A. Tài sản lưu động**		**89.952.368**	**127.685.465**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***		***69.677.879***	***37.079.931***
111	1. Tiền mặt tại quỹ		5.339	7.323
112	2. Tiền gửi ngân hạn		2.176.457	1.627.008
114	3. Tiền gửi có kì hạn		67.496.083	35.445.600
120	***II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn***	***3***	***16.485.990***	***63.300.000***
121	1. Đầu tư ủy thác		-	33.000.000
128	2. Chứng khoán tự doanh		30.300.000	30.300.000
129	3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(13.814.010)	-
130	***III Các khoản phải thu***		***2.601.144***	***27.201.421***
132	1. Phải thu các bên liên quan		-	26.336.221
134	2. Phải thu khác	4	2.601.144	865.200
150	***IV. Tài sản lưu động khác***		***1.187.355***	***104.113***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		865.911	104.113
158	2. Tài sản lưu động khác		321.444	-
200	**B. Tài sản cố định**		**5.989.798**	**5.662.102**
210	***I. Tài sản cố định***		***3.810.919***	***3.560.040***
211	1. Tài sản cố định hữu hình	5	2.319.912	2.008.245
212	Nguyên giá		3.520.196	2.784.112
213	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.200.284)	(775.867)
227	2. Tài sản cố định vô hình	6	1.491.007	1.551.795
228	Nguyên giá		1.598.335	1.578.528
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(107.328)	(26.733)
260	***II. Tài sản cố định khác***		***2.178.879***	***2.102.062***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	1.525.557	2.102.062
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	16.3	111.416	-
263	3. Tài sản cố định khác	16.3	541.906	-
270	**Tổng cộng tài sản**		**95.942.166**	**133.347.567**

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Vietcombank

02-CTQ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2008

ĐVT: Nghìn VNĐ

Mã số	*Nguồn vốn*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**A. Nợ phải trả**		**8.826.407**	**39.707.129**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***8.269.325***	***6.450.461***
314	1. Thuế phải nộp Nhà nước	8	845.948	651.438
315	2. Phải trả công nhân viên		1.773.160	951.115
316	3. Chi phí phải trả	9	1.158.606	127.140
319	4. Phải trả khác	10	4.491.611	4.720.768
340	***II. Nợ dài hạn***		***557.082***	***33.256.668***
333	1. Dự phòng trợ cấp thôi việc		557.082	256.668
336	2. Nợ dài hạn khác		-	33.000.000
400	**B. Vốn chủ sở hữu**		**87.115.759**	**93.640.438**
410	***I. Nguồn vốn***	***11.1***	***80.699.019***	***89.934.867***
411	1. Vốn điều lệ đã góp	11.2	38.000.000	8.000.000
413	2. Vốn khác của chủ sở hữu		-	30.000.000
417	3. Quỹ đầu tư		11.683.838	6.937.339
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		3.461.611	3.468.669
420	5. Lợi nhuận chưa phân phối		27.553.570	41.528.859
420	***II. Quỹ khác***		***6.416.740***	***3.705.571***
421	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	11.1	6.416.740	3.705.571
430	**Tổng cộng nguồn vốn**		**95.942.166**	**133.347.567**

Chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Ngoại tệ các loại (Đô la Mỹ)	111.472	444.220

CÔNG TY LIÊN DOANH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIETCOMBANK

Ông Trần Việt Anh
Quyền Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 2 năm 2009

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Vietcombank

02-CTQ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

ĐVT: Nghìn VNĐ

Mã số	*Chỉ tiêu*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
01	**1. Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ**	**12**	**46.167.218**	**68.236.880**
13	**2. Doanh thu hoạt động tài chính**	**13**	**7.202.622**	**3.480.043**
14	**3. Chi phí tài chính**	**14**	**(15.211.804)**	**(232.834)**
15	**4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**15**	**(26.115.108)**	**(17.022.391)**
16	**5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**12.042.928**	**54.461.698**
17	**6. Thu nhập khác**		**88.968**	**67.214**
18	**7. Chi phí khác**		**(688)**	**(52)**
19	**8. Lợi nhuận khác**		**88.280**	**67.162**
20	**9. Tổng lợi nhuận trước thuế**		**12.131.208**	**54.528.860**
21	**10. Thuế TNDN hiện hành**	**16.2**	**1.251.754**	**-**
22	**11. Thuế TNDN hoãn lại**	**16.3**	**(111.416)**	**-**
23	**12. Lợi nhuận sau thuế**		**10.990.870**	**54.528.860**

CÔNG TY LIÊN DOANH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIETCOMBANK

Ông Trần Việt Anh
Quyền Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 2 năm 2009

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Vietcombank

03-CTQ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Phương pháp trực tiếp)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

ĐVT: Nghìn VNĐ

Mã số	*Chỉ tiêu*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	Tiền thu từ phí quản lý quỹ		47.134.551	109.684.510
03	Tiền thu từ phí phát hành		-	4.550.000
05	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		97.591	1.841.860
06	Tiền trả cho người cung cấp		(12.463.750)	(7.263.515)
07	Tiền nộp thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước		(7.700.851)	(3.706.562)
09	Tiền trả cho cán bộ công nhân viên		(9.256.291)	(9.471.932)
10	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.558.359)	-
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**13.252.891**	**95.634.361**
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
31	Tiền chi để mua tài sản cố định		(1.016.281)	(2.935.723)
33	Tiền đầu tư chứng khoán		(15.400.000)	(63.300.000)
34	Tiền thu bán chứng khoán		24.657.498	-
37	Thu lãi tiền gửi		5.703.840	1.326.995
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**13.945.057**	**(64.908.728)**
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
46	Chia cổ tức		(10.000.000)	(33.376.320)
47	Tiền nhận từ nhà đầu tư uỷ thác		15.400.000	33.000.000
50	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**5.400.000**	**(376.320)**
60	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**32.597.948**	**30.349.313**
70	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm**		**37.079.931**	**6.730.618**
90	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm**		**69.677.879**	**37.079.931**

CÔNG TY LIÊN DOANH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIETCOMBANK

Ông Trần Việt Anh
Quyền Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 2 năm 2009

2. Các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là chứng từ ghi sổ.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thời gian đáo hạn gốc ít hơn 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Đầu tư

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá. Dự phòng được lập cho khoản giảm giá trị của các khoản đầu tư chứng khoán, là phần chênh lệch giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị giá vào thời điểm cuối kỳ kế toán.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phần mềm	3 năm
Tài sản vô hình khác	20 năm

Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chi phí thuê văn phòng. Khoản chi phí này sẽ được phân bổ trong khoảng thời gian mà số tiền thuê đã trả trước hay trong khoảng thời gian mà nó mang lại lợi ích cho công ty.

2. Các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

Trích trước trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn một năm với mức trích bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi trích lập quỹ và được các cổ đông thông qua trong cuộc họp thường niên.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác, v.v..

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ nguồn lợi nhuận sau thuế theo quyết định của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên nhằm mục đích động viên, khen thưởng dưới hình thức vật chất, nâng cao lợi ích vật chất và tinh thần cho người lao động

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí quản lí danh mục đầu tư, phí phát hành và phí thưởng hoạt động được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng quản lý quỹ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có xem xét đến lợi tức hiện tại của tài sản) trừ khi khả năng thu hồi là không chắc chắn.

2. Các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

Thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm này được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác dịnh theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ năm tài chính.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. Đầu tư ngắn hạn

Chứng khoán tự doanh thể hiện khoản góp 6.6% vốn thành lập Quỹ thành viên Vietcombank 3 trị giá 30.300.000 nghìn VNĐ. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty đã lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư này là 13.814.010 ngàn Việt Nam đồng.

4. Phải thu khác

Nghìn VNĐ

Chỉ tiêu	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu lãi tiền gửi	1.529.813	594.301
Thuế TNDN phải thu *(Thuyết minh số 16.2)*	878.063	-
Phải thu khác	193.268	56.899
Tổng cộng	**2.601.144**	**865.200**

5. Tài sản cố định hữu hình

Nghìn VNĐ

	Phương tiện vận tải	*Thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.049.490	734.622	2.784.112
Tăng trong năm	-	1.020.089	1.020.089
Thanh lý	-	(284.005)	(284.005)
Số cuối năm	2.049.490	1.470.706	3.520.196
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	387.168	388.699	775.867
Tăng trong năm	341.582	319.456	661.038
Giảm trong năm	-	(236.621)	(236.621)
Số cuối năm	728.750	471.534	1.200.284
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.662.322	345.923	2.008.245
Số cuối năm	1.320.740	999.172	2.319.912

6. Tài sản cố định vô hình

Nghìn VNĐ

	Phần mềm	*Tài sản cố định vô hình khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	1.578.528	1.578.528
Tăng trong năm	19.807	-	19.807
Số cuối năm	19.807	1.578.528	1.598.335
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	-	26.733	26.733
Tăng trong năm	1.669	78.926	80.595
Số cuối năm	1.669	105.659	107.328
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	1.551.795	1.551.795
Số cuối năm	18.138	1.472.869	1.491.007

Tài sản cố định vô hình khác là giá trị của thẻ hội viên sân gôn được phân bổ trong thời gian 20 năm.

7. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chi phí thuê văn phòng Hà Nội.

8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Nghìn VNĐ

Chỉ tiêu	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Thuế thu nhập cá nhân	823.901	644.910
Thuế nhà thầu	22.047	6.527
Tổng cộng	**845.948**	**651.437**

9. Chi phí trích trước

Nghìn VNĐ

Chỉ tiêu	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phí bảo hiểm AON	651.233	-
Phí quảng cáo	300.000	-
Phí kiểm toán	107.846	93.058
Phí sửa chữa văn phòng	99.527	-
Khác	-	34.082
Tổng cộng	**1.158.606**	**127.140**

10. Phải trả khác

Nghìn VNĐ

Chỉ tiêu	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Giảm trừ phí quản lí *(xem bên dưới)*	3.802.848	3.609.536
Phụ cấp cho Hội đồng Quản trị	297.946	247.551
Phí tư vấn	-	402.315
Phải trả khác	390.817	461.366
Tổng cộng	**4.491.611**	**4.720.768**

Theo hợp đồng kí ngày 11 tháng 12 năm 2006, Công ty đồng ý trả cho DBS Private Banking số tiền 0.5% mỗi năm từ phần phí quản lý thu được từ phần vốn đầu tư trong VPF2 mà được huy động bởi hoặc thông qua DBS Private Banking.

11. Nguồn vốn chủ sở hữu

11.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Nghìn VNĐ

	Vốn góp	*Quỹ đầu tư và phát triển*	*Quỹ dự phòng tài chính*	*Lợi nhận chưa phân phối*	*Quỹ khen thưởng và phúc lợi*	*Vốn khác thuộc chủ sở hữu*	*Tổng cộng*
Năm trước							
Số đầu năm	8.000.000	-	-	69.373.383	-	-	77.373.383
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	54.528.860	-	-	54.528.860
Chi trả cổ tức	-	-	-	(33.376.320)	-	-	(33.376.320)
Trích lập quỹ	-	6.937.339	3.468.669	(48.997.064)	8.591.056	30.000.000	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(4.885.485)	-	(4.885.485)
Số cuối năm	8.000.000	6.937.339	3.468.669	41.528.859	3.705.571	30.000.000	93.640.438
Năm nay							
Số đầu năm	8.000.000	6.937.339	3.468.669	41.528.859	3.705.571	30.000.000	93.640.438
Vốn chuyển đổi	30.000.000	-	-	-	-	(30.000.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	10.990.870	-	-	10.990.870
Chi trả cổ tức	-	-	-	(10.000.000)	-	-	(10.000.000)
Trích lập quỹ	-	4.746.499	-	(14.966.159)	10.219.660	-	-
Sử dụng quỹ	-	-	(7.058)	-	(7.508.491)	-	(7.515.549)
Số cuối năm	38.000.000	11.683.838	3.461.611	27.553.570	6.416.740	-	87.115.759

11. Nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

11.2 Vốn điều lệ

	Theo giấy phép thành lập	*%*	*Vốn điều lệ đã góp*	*Vốn điều lệ chưa góp*
	Nghìn VNĐ		*Nghìn VNĐ*	*Nghìn VNĐ*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	19.380.000	51	19.380.000	-
Viet Capital Holding Pte Ltd.	18.620.000	49	18.620.000	-
Tổng cộng	**38.000.000**	**100**	**38.000.000**	**-**

12. Doanh thu

Nghìn VNĐ

Chỉ tiêu	*Năm nay*	*Năm trước*
1. Doanh thu từ thưởng hoạt động	-	25.577.888
Trong đó:		
Doanh thu từ thưởng hoạt động quỹ VPF1	-	*25.577.888*
2. Doanh thu từ phí phát hành	-	4.550.000
Trong đó:		
Phí phát hành quỹ VPF3	-	*4.550.000*
3. Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ	46.039.218	37.463.545
Trong đó:		
Phí quản lý quỹ VPF1	*4.000.000*	*4.000.000*
Phí quản lý quỹ VPF2	*32.939.218*	*32.705.212*
Phí quản lý quỹ VPF3	*9.100.000*	*758.333*
4. Doanh thu từ các hoạt động khác	128.000	645.447
Tổng cộng	**46.167.218**	**68.236.880**

Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ trị giá 46.039.218 ngàn VNĐ được xác định dựa trên công thức quy định trong hợp đồng quản lý quỹ và điều lệ hoạt động của Quỹ thành viên Vietcombank 1 ("VPF1"), Quỹ thành viên Vietcombank 2 ("VPF2") và Quỹ thành viên Vietcombank 3 ("VPF3").

13. Doanh thu hoạt động tài chính

Nghìn VNĐ

Chỉ tiêu	*Năm nay*	*Năm trước*
1. Lãi tiền gửi	6.639.353	3.352.307
2. Lãi chênh lệch tỷ giá	251.790	127.736
3. Cổ tức	311.479	-
Tổng cộng	**7.202.622**	**3.480.043**

14. Chi phí tài chính

Nghìn VNĐ

Chỉ tiêu	*Năm nay*	*Năm trước*
Dự phòng giảm giá chứng khoán	13.814.010	-
Lỗ kinh doanh chứng khoán	1.231.869	-
Lỗ chênh lệch tỉ giá	165.925	232.834
Total	**15.211.804**	**232.834**

15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nghìn VNĐ

Chỉ tiêu	*Năm nay*	*Năm trước*
Chi phí nhân công	12.963.728	7.883.973
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.350.860	5.439.352
Thù lao Hội đồng Quản trị	1.232.624	1.326.903
Chi phí giao tế	2.018.748	1.162.712
Chi phí khấu hao tài sản cố định *(Thuyết minh số 5 và 6)*	741.633	502.304
Chi phí khác	807.515	707.147
TỔNG CỘNG	**26.115.108**	**17.022.391**

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp ("Thuế TNDN")

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được trong 10 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh và bằng 28% trong các năm tiếp theo.

Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% trong 3 năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

16.1 Chi phí (thu nhập) thuế TNDN

Nghìn VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Thuế TNDN hiện hành	1.251.754	-
Thuế TNDN hoãn lại	(111.416)	-
Tổng cộng	**1.140.338**	**-**

16.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nghìn VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Lợi nhuận thuần trước thuế	**12.131.208**	**54.528.860 (*)**
Các khoản chênh lệch vĩnh viễn không được khấu trừ thuế	**83.663**	**-**
Phụ cấp an giữa ca	100.080	-
Lỗ chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	(16.417)	-
Các chênh lệch tạm thời không được khấu trừ	**302.667**	**-**
Dự phòng trợ cấp thôi việc	302.667	-
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm	**12.517.538**	**-**
Thuế TNDN ước tính trong năm (10%)	**1.251.754**	**-**
Thuế TNDN phải trả đầu năm	-	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(2.129.817)	-
Thuế TNDN phải thu cuối năm	**(878.063)**	**-**

(*): Trong năm 2007, Công ty không phải nộp thuế TNDN do Công tyvẫn còn trong giai đoạn được miễn thuế TNDN theo quy định.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp ("Thuế TNDN") (tiếp theo)

16.3 Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 liên quan đến các khoản sau đây:

Nghìn VNĐ

	Bảng cân đối kế toán		*Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh*	
	Ngày 31/ 12/ 2008	*Ngày 31 /12/ 2007*	*Năm nay*	*Năm trước*
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	***111.416***	-	***111.416***	-
Từ chi phí trích trước Trợ cấp thôi việc	111.416	-	111.416	-

17. Các nghiệp vụ với các bên liên quan

Các bên được xem như là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng trọng yếu đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh.

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

ĐVT: Nghìn VNĐ

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Giá trị*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	Công ty đầu tư	Tiền lãi đã nhận Chia cổ tức Tiền gửi ngân hàng	6.449.600 5.100.000 2.176.457
Viet Capital Holding Pte Ltd	Công ty đầu tư	Chia cổ tức	4.900.000
Quỹ thành viên Vietcombank 1	Công ty liên kết. quỹ được quản lý	Phí quản lý	4.000.000
Quỹ thành viên Vietcombank 2	Công ty liên kết. quỹ được quản lý	Phí quản lý	32.939.218
Quỹ thành viên Vietcombank 3	Công ty liên kết. quỹ được quản lý	Phí quản lý	9.100.000

18. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	*Năm nay*	*Năm trước*
1. Bố trí cơ cấu tài sản		
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	6%	4%
Tài sản lưu động/Tổng tài sản	94%	96%
2. Tỷ suất sinh lợi		
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	24%	80%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ đã góp	29%	682%
3. Tình hình tài chính		
Tỷ lệ nợ phải trả/Tổng tài sản	9%	30%
Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	1.042%	1.556%
Tổng giá trị còn lại của tài sản cố định/Tổng vốn chủ sở hữu	4%	4%

19. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và năm kết thúc cùng ngày đã được Quyền Tổng Giám đốc phê duyệt để phát hành vào ngày 16 tháng 2 năm 2009.

S.G.P: 06-L.D.N.N CÔNG TY LIÊN DOANH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIETCOMBANK Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

Ông Trần Việt Anh
Quyền Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán Trưởng

Hà Nội. Việt Nam

Ngày 16 tháng 2 năm 2009